

Xuân Về Ngồi Đọc Kinh Pháp Hoa

(tiếp theo)

Tin (- Xung): khen sau lưng, như họ khen mình giỏi, tu hành đúng đắn, mình nghe khen rồi mừng, đến làm quen với họ cuối cùng bị họ gạt rút hết ruột vạy.

- Cơ: chê sau lưng, như chê bà đó mà tu hành gì, chỉ tu cái áo, tu cái đầu, tu cái miệng, “khẩu Phật tâm xà”, nghe họ nói như vậy mình sanh ra giận dữ, đau buồn, tìm cách trả thù.

- Khổ: đau buồn, như có việc nào đó làm cho trong lòng ray rức, luôn luôn sầu não khó chịu, đôi cũng khổ, đau cũng khổ, bệnh cũng khổ, như tam khổ, tứ khổ, bát khổ.

- Lạc: vui quá, như trúng số độc đắc thì mừng, luôn luôn lo sợ kẻ khác biết được đến cướp giựt của mình, nên rất khổ sở.

Xưa ông Tô Đông Pha chỉ chơi với Tổ Phật Ấn để trao đổi thơ văn. Một hôm ông đến thăm Tổ Phật Ấn nhưng Tổ đi vắng. Ông liền viết giấy để lại với nội dung: “Tô Đông Pha này không còn bị bát phong làm lay động nữa”. Khi Tổ về thị giả đưa thư cho Tô Phật Ấn xem, Tô liền bảo thị giả lấy giấy và viết ra cho Tô, rồi Ngài viết thư bảo thị giả đem đưa cho Tô Đông Pha, mặc dù trời đã tối, Tô Đông Pha mừng rỡ lấy thư xem chỉ thấy có một chữ “Rôm”, lòng bực tức cho Tô Phật Ấn chửi khéo mình, nên vội đi thuyền đến gặp Tô Phật Ấn để ăn thua đủ. Lúc đó Tô Phật Ấn cười và nói: ủa, bát phong không còn nữa sao lại chèo ghe qua sớm quá vậy”.

II. Thắng-diệu: gồm có bốn nghĩa.

1. Kinh này hay nói tắt cả Phật pháp: Kinh này nói đủ tắt cả các pháp của đức Phật, gồm có 28 phẩm, từ phẩm Tỳ Bà Thi đến phẩm Phổ Hiền, cho nên chư Tổ thường bảo rằng chỉ tụng bộ kinh Pháp Hoa là đủ rồi. Bởi vì kinh Pháp Hoa đã chỉ thật chân tướng, nói hết tắt cả Phật pháp và pháp này hết sức vi diệu, bằng những câu chuyện thật tế trong kinh, để chứng minh, chớ không dùng ngôn ngữ diễn tả. Như trong kinh A-hàm kể chuyện: một bà mẹ có đứa con đau nặng sắp chết, bà đem con đến nhờ đức Phật chữa dùm. Bây giờ đức Phật mới hỏi bà ấy rằng: “Bà có thương con không?” Bà liền trả lời: Thưa Thế Tôn, tôi thương nó lắm! Nó chết là tôi chết theo, tôi không sống nổi đâu, bởi vì tôi chỉ có một mình nó thôi. Đức Phật hỏi tiếp: Người thương người hay thương

con? Bà đáp: Dạ, tôi thương con chớ, tôi có chết cũng được không sao, mong nó sống thôi. Đức Phật bảo bà đi xin một nắm tro của nhà nào mà không có người chết, để chữa bệnh cho con bà, bà đi đến đâu hỏi cũng đều có người chết cả nên bà trở về gặp Phật và bảo không xin được. Bây giờ đức Phật mới dạy: như vậy, tất cả thế gian ai cũng phải chết, đâu chỉ có một mình con người chết thôi, người khóc làm gì, ngày nào đó rồi cũng đến người thôi. Tất cả cuộc đời này đều vô thường: sanh, trụ, dị, diệt. Bà nghe Phật nói liền tỉnh ngộ.

Một bà khác, ngày nọ đến gặp Phật xin Phật cứu dùm con bà đang bệnh, Phật giải quyết bằng cách khác, Ngài liền hỏi: người có thương con không, người thương người hay thương con? Bà ấy liền đáp: Dạ, tôi thương con, tôi có chết cũng không sao, miễn con tôi sống là được rồi”, đức Phật phóng lửa tam muội ra liền, làm cho bà nóng quá, không chịu nổi, bà đưa đứa con ra đỡ. Bây giờ Phật mới bảo: người thương con hay thương người? Bà ấy liền tỉnh ngộ. Vì phần nhiều chúng sanh đều giả dối như người đàn bà này thương mình hơn nhưng lại nói thương con.

2. Hay chỉ tắt cả thần lực của Như Lai: Kinh này diễn tả hết thần lực của Như Lai, như Phẩm Tỳ Bà Thi, Phẩm Phương Tiện đức Phật đã phóng hào quang. Trong các kinh khác ít thấy đức Phật phóng hào quang, chỉ có kinh này trước khi nói kinh, Phật phóng quang mà thôi. Ngài phóng từ giữa chân mày chiếu đến một muôn tám nghìn cõi nước ở phương đông, từ địa ngục A Tỳ đến trời Sắc Cứu Cánh và ở Phẩm Hiện Báo Tháp thứ 11, bỗng có một Báo Tháp hiện ra trụ giữa hư không, như vậy đức Phật đã chỉ thần lực của chư Như Lai.

3. Hay diễn tắt cả biến trạng: Tất cả những biến trạng của Như Lai đều nói trong kinh Pháp Hoa cả, vì vậy đức Phật vừa phóng quang vừa nhập chánh định vô lượng nghĩa xứ. Lúc ấy Ngài Di Lạc thắp mắc những biến trạng lạ mới hỏi Ngài Bồ-tát Văn Thù và được Ngài Văn Thù giải đáp cặn kẽ, vì Ngài Văn Thù có vô sư hay căn bản trí, chân tánh mới hiểu được sự rốt ráo của chư Phật. Kết thúc của kinh Pháp Hoa là Phẩm Phổ Hiền, Ngài Phổ Hiền tượng trưng cho sai biệt trí và mở đầu là Ngài Văn Thù tượng trưng cho vô sư trí. Trí sai biệt do tu tập và hạnh nguyện mà có như chúng ta mỗi người tu đều có trí khác nhau, tùy theo mỗi ngày chúng ta tu tập. Ví dụ: thầy dạy học trò, học trò cố gắng học được đồ đạt ra làm thầy giáo, lúc bấy giờ thầy giáo và học trò đều giống nhau cả bởi vì cả hai đều là thầy giáo. Do đó khi chúng ta chưa thành Phật thì chúng ta là học trò, đức Phật là bậc Thầy của chúng ta nhưng khi chúng ta thành Phật rồi, chúng ta và Phật bằng nhau vậy. Xưa Ngài Đôn Hà đến một ngôi chùa gặp lúc trời lạnh, ngài rình ông Phật bằng gỗ trên bàn thờ xuống chẻ ra đốt để hơ

cho ẩm, ông viện chủ trong chùa thấy vậy la hoảng: Tại sao Ngài đốt Phật tôi? Ngài Đôn Hà trả lời: Ta đốt để tìm xá lợi. Ông viện chủ nói: Phật gỗ làm gì có xá lợi. Ngài Đôn Hà tiếp: Hãy đốt thêm một ông Phật nữa. Ông viện chủ nghe liền tỏ ngộ, người đời sau có câu: “Đôn Hà thiêu mộc Phật, Viện chủ lạc tu mi.” Có nghĩa là Ngài Đôn Hà thiêu Phật gỗ, ông viện chủ rụng lông mày.

Câu này cho thấy ông viện chủ còn lo tu, còn Ngài Đôn Hà đã giác ngộ thành Phật, còn chúng ta đang lay sỏi đầu mà vẫn chưa thành Phật, thế mà nhiều người cứ nói khoác hoai.

4. Hãy nói tất cả việc sâu kín: Trong Phẩm Như Lai thân lực đức Phật đã nói thế này: “Tất cả pháp của Như Lai, tất cả thân lực tự tại của Như Lai, tất cả tàng bí mật của Như Lai, tất cả thậm thâm vi diệu đều do kinh này chỉ bày ra cả.”

Trong kinh Pháp Cú còn có một câu: “Hãy diệt mẹ và cha, diệt hai vua dòng Sát-đế-lợi, diệt luôn các quần thần, tiến đến Bà-la-môn vô ưu”. Có nghĩa là “diệt mẹ là diệt ái dục, diệt cha là diệt lòng kiêu mạn, diệt hai vua dòng Sát-đế-lợi là diệt thường kiến và đoạn kiến, diệt luôn các quần thần là diệt sáu căn và sáu trần, tiến đến chỗ giải thoát yên vui.

Một vị thiền sư đã có bài kệ nói lên sự cao quý của kinh Pháp Hoa như một viên ngọc báu:

*“Một người mù nhìn thấy ngọc báu,
Một người không cổ đeo ngọc vào.
Một người cắt tay đang lượm ngọc,
Một người cầm ngọc khen ngợi ngọc”.*

Như thế kinh Pháp Hoa là viên ngọc quý, những người mù thì không thể nào nhìn thấy được, như ra đường hỏi là có ai biết được kinh Pháp Hoa không, chắc chắn là không, người không cổ thì không đeo ngọc vào được, thế mà đa số những người không có cổ lại muốn đeo ngọc, người cắt tay lại muốn lượm ngọc thì không thể được ngọc, người cầm ngọc cũng không thể nào ca ngợi ngọc. Vì thế chúng sanh là những kẻ nghiệp chướng đầy đầy mà lại muốn hiểu được kinh Pháp Hoa thì quá khó, không thể nào hiểu được. Bởi vì kinh Pháp Hoa chỉ để nói cho những bậc có trí tuệ, như các vị Bồ Tát và hàng Thánh Văn, chớ không nói với kẻ tầm thường được. Nhưng người nói kinh Pháp Hoa cũng phải là người vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai. Mặc áo Như Lai là phải có trí tuệ rộng lớn, vào nhà Như Lai là phải có đức nhẫn nhục tối thượng, ngồi tòa Như Lai là phải chứng pháp-thân. Tuy nhiên đức Phật có dạy: “Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam, thiện nữ nào vì tất cả chúng sanh mà thọ trì, đọc tụng, diễn nói, kinh Pháp Hoa thì được Như

Lai lấy y trùm đầu, lấy tay xoa đầu và được các đức Phật mười phương hết lòng hộ niệm cho.”

Vậy kinh Pháp Hoa phải nghe cho kỹ và phải nghĩ cho khéo. Trong các kinh đức Phật nói, không bao giờ Ngài nói kinh vô lượng nghĩa, không bao giờ nhập chánh định vô lượng nghĩa xứ, không bao giờ lại phóng hào quang chi cả, chỉ có kinh Pháp Hoa đức Phật mới có ba yếu tố đó. Người thắc mắc về ba yếu tố đó là Ngài Di Lạc Bồ Tát, vì Ngài Di Lạc biểu tượng cho thức như chúng ta đang sống trong thức: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạng, A-lại-gia thức và tám thức này đang làm chủ con người, Ngài Di Lạc cũng đang sống trong thức nên không thể nào hiểu được cái trí cả. Khi đức Phật phóng quang không thể lấy thức mà hiểu mà phải lấy trí mới hiểu được. Do đó chỉ có Ngài Văn Thù có trí vô sư mới hiểu và giải đáp cho Ngài Di Lạc và toàn thể đại chúng thôi. Chỉ có cái trí vô sư, căn bản trí mới biết được sức thần thông diệu dụng của Như Lai.

III Vi-diệu:

1. Quả nhất thừa không có điều đức nào mà không tròn: Thường khi nói các kinh chỉ có 1250 vị Tỳ-kheo đi theo, nhưng ở kinh này có đủ cả thánh chúng, tại núi Linh-thứu gồm: 12 ngàn đại Tỳ-kheo, các bậc đại A-la-hán, 2 ngàn bậc hữu học và vô học, 6 ngàn Tỳ-kheo-ni, 80 ngàn Bồ-tát, 20 ngàn chư thiên, 8 long vương và quyền thuộc, vua A-xà-thế và tùy tùng v.v...

Như vậy đến chỗ này thấy quả diệu đức hoàn toàn tròn trịa, chúng Phật thừa không riêng các vị Tỳ-kheo mà còn các vị long vương, các loài súc sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh kể cả vua A-xà-thế độc ác nhất cũng đều được chứng quả thánh vậy. Ở đây có một điều là có hàng Tỳ-kheo ni mà các kinh khác không có và các vị vô học đã chứng được quả A-la-hán nên không còn học, đối với chúng ta vẫn còn phải học. Quả nhất thừa này tròn trịa không sót một ai cả, có nghĩa là cái vi diệu này tất cả chúng sanh từ đức Phật mới nói rõ: Ta đến đây hoài bão của ta là muốn làm sao cho tất cả chúng sanh đều có trí kiến Phật, trở về trí kiến Phật. Như trong Phẩm Tín-giải, các Ngài Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Đại-ca-diếp, Đại-mục-kiên-liên đồng nói thí dụ về đũa cùng tử và ông trưởng giả giàu có lớn. Qua câu chuyện này ta thấy đức Phật dùng phương tiện quá khéo, để dụ dẫn trở về với mình. Bây giờ, chúng ta cũng như cùng tử và Phật chính là cha chúng ta. Sở dĩ chúng ta mãi lang thang cùng khổ là vì chúng ta không nhận mình là con ông trưởng giả mà thôi và chúng ta vẫn được thừa hưởng di sản của Phật vậy. Đó là câu chuyện thần bí huyền diệu như thế.

2. Không tạp nhiễm nào mà chẳng sạch: Ở các kinh khác chỉ nói một phần tạp nhiễm tham, sân, si mà không

nói các phần khác, trái lại ở kinh Pháp Hoa tạp nhiễm nào cũng đều sạch cả. Thật vậy, như con người chúng ta niệm Phật cầu được trúng số, người khác lại niệm Phật cầu giữ năm giới để kiếp sau lên làm người, cũng có người cầu giữ thập thiện để được sanh về cõi trời, hưởng phước, người khác lại cầu chúng quả Thịnh Văn, Duyên Giác, hoặc Bồ Tát. Đối với các vị Duyên Giác thì tu thập nhị nhân duyên: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, hữu, thủ, sanh, lão, tử. Chúng ta thấy ông Địa Tạng cầm cây tích trượng trên đầu có 12 cái khoen và các vị Bồ tát đều hiện thân mặc áo cư sĩ, chỉ riêng ông Địa Tạng đắp y Tỳ-kheo, như vậy là tại sao? Tại vì chúng sanh luân hồi sanh tử là do cái thập nhị nhân duyên thành cái vòng tiếp nối mãi thành 12 cái khoen làm chúng sanh phải chịu sanh tử luân hồi. Vô minh và hành là cái nhân quá khứ, ái dứt thì các thứ khác cho đến vô minh, lão tử cũng dứt hết.

Những người khác thì cầu tu hành Bồ Tát để giác ngộ chúng sanh, Bồ Tát gọi là hữu tình nghĩa là tự mình đã giác ngộ rồi lại còn giác ngộ cho chúng sanh. Bồ Tát thì không còn phân biệt giai cấp giàu nghèo, sang hèn, theo luật thì người nào thọ Bồ Tát giới ngồi trước, dù Tỳ-kheo chưa thọ Bồ Tát cũng phải ngồi sau vậy. Tinh thần bình đẳng của đạo Phật là căn cứ trên sự giải thoát, trên sự giác ngộ chứ không căn cứ trên sự giàu nghèo hay địa vị chi cả, xuất gia hay cư sĩ. Đối với người xuất gia gồm có ba ý nghĩa: ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não và ra khỏi nhà tam giới. Có bốn hạng xuất gia:

- Thân xuất gia mà tâm không xuất gia.
- Thân không xuất gia mà tâm lại xuất gia.
- Thân tâm đều không xuất gia.
- Thân tâm đều xuất gia.

Như ông Bàn Uẩn thân không xuất gia, nhưng tâm đã xuất gia, tuy là một cư sĩ nhưng chúng quả thánh tuyệt diệu, ông là người giàu có nhất nhưng khi hiểu được đạo, ông đem của cải đổ xuống sông hết, chỉ còn lại cô con gái là Linh Chiếu và người con trai trông rớt trên vại đầm ruộng để sống. Một hôm ông bảo Linh Chiếu ra xem mặt trời đứng bóng chưa, cô gái nghe chạy ra nhìn mặt trời rồi vào nói: chưa ba; lần thứ hai Linh Chiếu ra xem mặt trời rồi vào trước cha ngồi tịch. Ông hỏi Linh Chiếu tiếp nhưng không thấy trả lời, ông đưa chân hất thấy cô gái ngã ra đã chết rồi, ông thốt lên: à! Nó đã đi trước ta sao! Bây giờ có người bảo cho người anh đang ở ngoài ruộng là Linh Chiếu đã chết. Ông anh nghe rồi nói: ủa, nó đã đi rồi! Kế đó ông đi rửa tay rồi lên bờ ruộng ngồi tịch luôn. Bây giờ Bàn Uẩn hay tin người con trai chết, ông liền nói: à! tụi nó đi hết rồi tôi còn bầy

ngày nữa mới đi. Người tại gia dù có tạp nhiễm nhưng tu kinh Pháp Hoa thì mọi tạp nhiễm đều sạch cả, mặc dù thân không hề xuất gia. Hàng thân tâm đều xuất gia là hàng đáng tôn kính hơn cả, còn hàng thân tâm đều không xuất gia thì không cần nói tới. Có người vẫn ở ngoài đời nhưng tâm họ sạch sẽ.

3. Không nghĩa lý nào mà chẳng cùng: Nghĩa lý trong kinh Pháp Hoa chỗ nào cũng rõ ràng, cùng tột cả, do đó các Tổ thường khuyên tụng bộ kinh Pháp Hoa là đủ hết rồi, không cần phải tụng các kinh khác. Như Phạm Tự, Phương Tiện cho đến Phạm Hiên Bảo Tháp, không có kinh nào nói cả, bởi vì đều khai Phật tri kiến và thị Phật tri kiến.

4. Không thế gian nào mà chẳng độ: tất cả các thế giới đều có kinh Pháp Hoa cả, ngay cõi Long cung hay nơi cõi trời, đức Phật đều nói kinh Pháp Hoa. Câu chuyện vua Ba Tư Nặc thắc mắc về việc đức Phật độ cho người Chiên-đà-la, giai cấp hạ tiện nhất. Một hôm ông Ưu Ba Ly dòng Chiên-đà-la đi gánh phân gặp đức Phật, ông liền đi trốn, đức Phật gọi lại hỏi: tại sao lại đi trốn? Ưu Ba Ly trả lời: dòng dõi chúng con hạ tiện, nên con không dám gặp Ngài là bậc cao quý dòng Bà-la-môn, hay Sát-đế-ly, nếu không con bị chém đầu. Đức Phật bảo: Ta đến xin nước uống chứ không xin giai cấp, người chớ sợ và độ cho Ưu Ba Ly xuất gia. Ngài cho rằng tất cả mọi người không có hận thù trong dòng máu cùng đỏ, không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn. Thế thì nước mắt của ta, nước mắt chư Phật cùng mặn như nhau cùng dòng máu đỏ như nhau. Vua Ba Tư Nặc thắc mắc mới hỏi Phật tại sao Ngài nhận dòng Chiên-đà-la vào hàng tăng sĩ làm do đi sự thanh khiết của giới tăng già và người ta sẽ khinh chê không tốt bởi vì vàng thau lẫn lộn. Đức Phật liền trả lời: Con người sanh ra không liền thành Bà-la-môn hay Sát-đế-ly, tỳ-xá, thủ-đà-la mà tất cả đều do sở hành của người đó. Nhưng vua Ba Tư Nặc không thỏa mãn và vẫn thắc mắc ra về. Mấy tháng sau, vua Ba Tư Nặc trở lại thăm đức Phật thấy trước công vào tịnh xá có một cục đá và có một người từ cục đá chui ra rồi bay lên hư không, rồi thu hình nhỏ lại chui vào đá làm cho cục đá xẹt lửa, nhà vua ngạc nhiên và quỳ xuống lạy rồi vào tịnh xá đem chuyện ấy thưa với Phật và hỏi Phật vị Tỳ-kheo nào mà thần thông quảng đại như vậy? Đức Phật bảo là ông Ưu Ba Ly, dòng Chiên-đà-la mà lúc trước nhà vua không hài lòng thắc mắc đó. Từ đó vua Ba Tư Nặc hết thắc mắc và hiểu được sự mầu nhiệm của Phật. Như vậy ai tu chúng quả đều không phân biệt, vì thế không thế gian nào mà chẳng độ. Hơn nữa, Long nữ tám tuổi đã thành Phật, khi Long nữ đang dâng lên đức Phật hạt châu, ngài liền nhận, Long nữ nói: các ông lấy sức thần xem tôi thành Phật còn nhanh hơn đức Thế Tôn nhận hạt châu kia.

Điều này cho thấy không có sự phân biệt già trẻ và dù súc sanh cũng đều thành Phật cả. Theo phái tiểu thừa thì không cho người nữ xuất gia, bởi vì người nữ có năm điều chướng ngại: một chẳng được làm Phạm Thiên Vương, hai chẳng được làm Đế Thích, ba chẳng được làm Ma Vương, bốn chẳng được làm Chuyển Luân Thánh Vương, năm chẳng được làm Phật; phái đại thừa thì cho người nữ xuất gia và trong sát na thành Phật, như Linh Chiếu con gái ông Bàng Uẩn đã chứng quả thánh và Tô Phong cao tu trên đỉnh núi đặc đạo ngài cắt dây không hề xuống núi hóa duyên. Người xưa có làm hai câu đối trước chùa Linh Phong như sau: “Linh Chiếu hà phân nam nữ tánh, Phong cao vô ngại sắc không tâm”, có nghĩa là: “người nào có được tâm linh chiếu sáng ngời thì không còn phân biệt tánh nam hay tánh nữ nữa, đứng trên đỉnh núi nhìn xuống thì không còn phân biệt được cái nào sắc, cái nào không cả”. Nếu chúng ta đứng từ dưới nhìn lên thì có cao thấp phân biệt được cây, đá, mọi vật, nhưng nếu nhìn từ trên xuống mọi vật đều giống nhau.

Nhờ cái vi diệu không thể gian nào mà chẳng độ, nên đức Phật cũng đã thọ ký cho ông Đề Bà Đạt Đa, một người cực ác luôn tìm cách hại Phật, độ tên cuồng tín sát nhân là Vô Não, vua A-Xà-Thế giết cha, nhốt mẹ mình và cô gái giả bụng chứa vu khống Ngài.

IV Tuyệt-diệu

1. Nói cái pháp nhất thừa rộng lớn: Trong Phẩm Thí Dụ nói về những đứa con ham chơi trong một nhà lửa đang cháy, người cha kêu ra cho biết những hiểm nạn trong nhà lửa, nhưng các con cứ vui chơi, cuối cùng ông trưởng giả dụ cho các đồ chơi báu lạ, mấy con nghe xong liền chạy ra ngoài để lấy đồ chơi, nhờ đó mới thoát nạn nhà lửa, lúc này ông chỉ cho một thứ xe trâu đẹp đẽ và ngài hỏi như vậy có nói dối không, các đệ tử bảo là không, ông trưởng giả chỉ phương tiện dụ con ra khỏi hiểm nạn đó thôi.

2. Sâu xa, lia lời nói, lia suy nghĩ: Đến chỗ tuyệt diệu của Pháp Hoa rồi thì sự sâu xa nhiệm là phải lia lời nói, lia suy nghĩ; còn ngôn ngữ, còn lời nói là còn đối đãi phân biệt, rơi vào nhị nguyên phiền não, không hiển đạt được Pháp Hoa, còn suy nghĩ thì không chứng được Pháp Hoa, đó là: “Thanh thanh thúy trúc, tổng thị chân như; Uất uất huỳnh hoa vô chi Bát Nhã” có nghĩa là “mướt mướt tre xanh tất cả đều là chân như, môn môn mai vàng đâu đâu cũng đều là Bát Nhã”. Thế thì Bát Nhã ở ngay trước mắt ta, chân như ở trước mắt ta nhưng ta cứ đi tìm. Tô sư xưa có bài kệ cũng đều nói lên ý đó như sau:

“*Quân bất kiến: Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân,*

*Bát từ vọng niệm bất cầu chân.
Vô minh tự tánh tức Phật tánh,
Huyền hóa phân thân tức pháp thân.*

Nghĩa là:

*“Anh không thấy:
Đứt học, vô vi thật kẻ nhàn,
Chẳng rời vọng niệm, chẳng cầu chân.
Vô minh tự tánh vốn là Phật,
Thân giả hóa ra chính pháp thân”.*

Như Ngài Huệ Năng, sau khi nghe ông khách tụng kinh Kim Cang, tới câu: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Ngài ngộ ngay mới chạy vào hỏi ông chủ Kinh nào mà hay đến thế. Ông chủ trả lời: đó là kinh Kim Cang, do Tổ Hoàng Nhãn đang giảng ở phương Bắc, ông có muốn nghe không? Huệ Năng trả lời: muốn lắm! nhưng tôi còn mẹ già không biết phải làm sao đây? Người ấy bảo: được, ông đem củi cho nhiều rồi lấy mười lạng bạc về lo cho mẹ ông, rồi qua đó gặp Tổ. Ông nhận tiền rồi đem về nhờ người săn sóc mẹ già xong, ông tìm gặp Tổ. Bây giờ Tổ hỏi: “Ông ở đâu và muốn cầu gì? Huệ Năng thưa: Con ở phương Nam đến đây cầu làm Phật.” Tổ nói tiếp: “Người ở phương Nam là xứ mọi rợ thế mà lại muốn làm Phật sao được? Huệ Năng thưa: “Người thì có Nam, có Bắc còn Phật tánh thì không có Nam có Bắc chi cả.” Tổ nghe làm ngạc nhiên không ngờ đứa bé lại thông lợi hơn mọi người. Thường những người đến xin học đạo, Tổ cho nhập chúng liền, bởi vì Ngài có năm trăm đệ tử trong chùa xuất sắc, nhưng Ngài sai Huệ Năng đi xuống nhà bếp để giả gạo. Huệ Năng mất hết tám tháng trời giả gạo, một hôm Tổ xuống hỏi Huệ Năng gạo đã trắng chưa? Huệ Năng đáp: đã trắng rồi nhưng còn thiếu cái sàng. Ở đây chúng ta thấy những người khác lo gieo, lo trồng, lo cấy mới thu hoạch được, còn Huệ Năng thì đã thành hạt lúa rồi, khỏi phải làm các việc đó nữa. Bây giờ chỉ cần bóc cái vỏ hạt lúa ra thì sẽ thành hạt gạo và có thể nấu ăn được. Đó là bóc được cái vỏ vô minh thì chân tánh sẽ hiện ra, như hạt gạo vẫn có nhưng không thấy được nó, trừ khi giả hạt lúa cho trắng đi mới nhận ra nó. Sau đó Tổ gõ vào cối ba cái rồi bỏ đi Huệ Năng liền hiểu ngay, đem đó vào canh ba Huệ Năng đến gặp Tổ, và được trao y bát cho rồi đưa Huệ Năng xuống thuyền đi về hướng Nam đợi thời cơ hoàng đạo. Sau khi Huệ Năng đi rồi, thái tử Thiệu Châu thắc mắc hỏi Tổ: “Thưa Ngài đệ tử Ngài có đến năm trăm người uyên thâm về Phật pháp, tại sao Ngài không trao y Bát cho ai mà lại đi trao cho Huệ Năng?” Tổ đáp: “Bởi vì 499 người kia đều hiểu Phật pháp, riêng chỉ Huệ Năng không hiểu Phật pháp, Huệ Năng chỉ hiểu đạo thôi. Không thể lấy thước thế gian mà đo lường Huệ Năng nữa, vì Huệ Năng không có hiểu Phật pháp, Huệ Năng chỉ hiểu được đạo”. Như vậy, không dùng văn tự ngôn ngữ ở đây mà theo kinh Pháp Hoa Huệ Năng đến chỗ nhập Phật tri kiến rồi, Huệ Năng đã học Phật pháp

nhiều đời nên đến đây chỉ còn hiểu đạo thôi, vì chỗ hiểu đạo cách xa chỗ hiểu Phật pháp và cần phải hiểu Phật pháp trước rồi mới hiểu đạo sau. Do đó có hội Liên Hoa vi tiếu. Một hôm đức Phật cầm hoa sen đưa lên giữa đại chúng không ai hiểu cả, chỉ có một mình Ngài Ca Diếp mỉm cười, lúc ấy đức Phật nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng này trao cho ông đây.” Đến chỗ tuyệt diệu nên lia suy nghĩ, lia lời nói vậy, như chúng ta đã dự một buổi nói chuyện và được nghe rồi lòng thấy hơn hờ, nếu một ngày nào đó được nghe lại thì sẽ vui như lúc trước.

Người xưa đã có câu:

*“Đại trạch phần như bất năng nhiệt,
Mà hàn độ như bất năng hàn.
Tặc lôi phá sơn phong chấn hải,
Như bất năng kinh, sanh tử bất biến u đời.”*

Nghĩa là:

*“Qua hầm lửa lớn mà ta không thấy nóng,
Qua con sông băng giá mà ta vẫn không thấy lạnh.
Thình lình sét đánh chẻ núi gió thổi biển động,
Nhưng đối với ta sống chết không hề sợ hãi, thay đổi.”*

Đó là những bậc thánh nhân và đối với những người tụng kinh Pháp Hoa đều có tinh thần đó, dù lạnh dù nóng cũng không hề thay đổi. Một triết gia Vivekananda đã nói: “Người chỉ xứng với danh nghĩa con người chừng nào người thắng cả thiên nhiên, cả nội tâm, cả ngoại cảnh đó là công phu tuyệt đích. Hiểu được định luật chi phối các vì sao, các hành tinh đã là điều hay nhưng hiểu được định luật chi phối của những tham vọng, tình cảm, ý chí lại càng hay và khó gấp bội phần”. Như vậy, một người đi tu khó hơn một nhà bác học nhiều, muốn hiểu được tinh thần độc đáo của đạo Phật, không phải dễ dàng đâu. Vì nó là chất loãng tâm linh, là một khí chất, là một thái độ hơn là một chương trình rõ rệt. Lại nữa, nó không phải là lý thuyết và ý thức hệ. Thật vậy, chúng ta đi tu không có chương trình gì cả, những người ngồi đây dù vua, dân hay người gánh phân đi nữa, người già, trẻ nít ai cũng sẽ thành Phật trước, người nào sẽ thành Phật sau? Như vậy nó không có chương trình rõ rệt. Đạo Phật không căn cứ vào sự học nhiều hay ít mà căn cứ vào tâm linh trong sáng mà thôi, nghe thế có người đã nói: Tôi chỉ muốn nghe ít ít để tu thôi. Nói như vậy là không được, bởi vì chư Tổ đã dạy: “Tu không học là tu mù, học không tu là đầy đưng sách”. Hơn nữa, đạo Phật không phải là lý thuyết, kinh Pháp Hoa không phải là lý thuyết, vì đức Phật chỉ cho chúng ta đạt đến mục đích cuối cùng, những lời Phật dạy tuân tự để cho chúng ta thực hành tiến đến Phật quả và đạo Phật không phải là ý thức hệ, bởi vì ý thức hệ này hết đi thì ý thức hệ khác thay thế, thay đổi, còn đạo Phật thì muôn đời không bao giờ thay đổi.

*“Trăng chân như tỏa sáng,
Sóng hư không giăng cầu tròng điệp.
Rửa sạch địa cầu đưa về đạo pháp,
Cửa từ bi mở rộng đón thương đau.
Người về đây, đời luôn thay đổi.
Chớ đạo không bao giờ thay đổi,
Đời khổ đau, đạo vẫn an lành,
Đời quay cuồng, đạo cả viên dung.
Đời chìm nổi, đạo không hề chuyển biến”.*

Đó là kim chỉ nam của chúng ta, chúng ta đang đi tìm học đạo, tìm những gì vĩnh viễn thường hằng, chúng ta phải vứt đi những gì tạm bợ của thế gian này. Chúng ta mượn cái thân tạm bợ này dùng nó để tu, khi đến bên bờ kia rồi bỏ nó đi, cho nên cái thân này rất cần thiết vậy”. Như chuyện “Tế Công Phật sống”, Ngài Tế Điền gặp một đứa con đang ôm bà mẹ chết than khóc, vì nhà quá nghèo không có tiền mua hòm chôn mẹ, Tế Điền thấy người con trai có hiếu nên dùng thiên nhãn nhìn thấy một xóm khác có vợ ông phú hộ mới chết nhưng còn cứu được, do đó Ngài mới đến cứu bà ấy sống lại rồi lấy cái hòm của bà ấy về cho người con thảo để chôn mẹ. Ở đây chúng ta thấy người chết cần phải có bốn điều kiện: - Mạng hết mà nghiệp chưa hết - Nghiệp hết mà mạng chưa hết - Mạng nghiệp đều hết - Mạng nghiệp chưa hết”.

c. Pháp: Phép tắc, pháp luật là phép tắc nhà nước hay những qui tắc trong gia đình. Theo nhà Phật chữ pháp có hai nghĩa:

1. Giữ gìn tự tánh hay giữ nguyên tướng trang của nó không cho mất: Tướng của pháp là sanh, trụ, dị, diệt, nhưng bản tánh của nó không thiên biến. Kinh nói: “pháp trụ pháp vi, tướng của thế gian là thường trụ”. Các pháp ở thế gian lấy con mắt của chúng sanh nhìn thì thấy các pháp lậu hoặc vô lậu tánh tướng của nó được tự giữ gìn từ xưa đến nay không hề thay đổi.

2. Làm thành hình dáng hay khuôn thức để khi có người nhìn đến biết nó là vật gì: Các pháp như vậy, do nơi trí tuệ của người thấy cạn, sâu, học thức nhiều ít, nghiệp lực nặng nhẹ nên sinh ra các hiểu biết khác nhau. Như dưới con mắt Phật thì chín pháp giới dưới đều là Phật pháp giới, còn chúng sanh thì nhìn chín pháp giới theo sự thấy của mình sinh ra nhiều hiểu biết riêng biệt. Như vậy “Nhậm trí tự tánh hủy sanh vật giải”, nghĩa là: Cái gì giữ nguyên tự tánh không cho mất và khi người ta nhìn vào thấy nó biết được là cái gì rồi, cái đó gọi là pháp, kể cả pháp hữu vi và pháp vô vi. Như cái bình, hạt cát, hạt cải, cây cỏ, hư không cũng đều là pháp, mặc dù hư không không có hình dáng đi nữa, nhưng nó vẫn giữ nguyên tướng trạng của nó. Như cây cà phê muôn đời nó vẫn là cây cà phê, không bao giờ thay đổi và khi nhìn

vào nó người ta biết ngay là cây cà phê hoặc con người dù cách nào đi nữa vẫn là con người, kể cả pháp chân thật hay pháp không chân thật, ngay cả tướng nói năng vẫn giữ nguyên tướng trạng không bao giờ thay đổi và khi nhìn vào người ta biết được tự tánh của nó vậy. Chữ pháp của đạo Phật rất rộng rãi như vậy, như nói anh tu pháp môn nào? Pháp môn Thiên tông, Tịnh-độ tông, Mật tông hay Thiên-thai tông.

d. Liên Hoa: Hoa sen. Trong hai câu tục ngữ Việt Nam, một câu là: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”; và một câu khác là: “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Nhìn vào hai câu tục ngữ trên chúng ta thấy có một sự mâu thuẫn khác nhau. Nghĩa của hai câu này là “gần người xấu thì xấu, gần người tốt thì tốt”; câu kia có nghĩa ngược lại là: “gần người xấu vẫn không xấu”.

Sở dĩ có hai câu này là theo đạo Phật thì trong cuộc đời này có ba hạng người: hạng thượng căn thượng trí, hạng trung căn trung trí và hạng hạ căn hạ trí. Hạng thượng căn thượng trí nghe đạo liền thực hành theo, hạng trung căn trung trí nghe theo đạo thoát nhớ thoát không, bán tín bán nghi, hạng hạ căn hạ trí nghe đạo rồi phát lên cười ngạo nghễ, bởi vì hạng hạ căn hạ trí không làm sao hiểu nổi cái vi diệu của chư Phật. Do đó, câu “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” dành cho hạng hạ căn hạ trí, còn câu “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” dành cho hạng thượng căn thượng trí vậy.

Hơn nữa, trong kinh có câu: “Hành thiện nhân gian như nhập chi lan chi thất cử như bất quán kỳ hương tất dữ quá hỉ, hành ác nhân gian như nhập vào ngư chi tứ, cử như bất quan kỳ xú tất dữ quá chi”, người mà gần với người lành giống như người đi vào nhà cỏ lan chi lâu ngày không nghe mùi thơm nữa, mình đồng hóa với mùi thơm rồi. Người gần với người ác cũng giống như người đi vào chợ cá, lâu rồi không còn nghe mùi hôi nữa, mình đồng hóa với mùi thúi rồi vậy. (còn tiếp)

Văn-Thân